wèi bì

未必

Adverb · may not; not necessarily

Example Sentences

tā wèi bì lái
他未必来。

He may not come.

míng tiān wèi bì xià yǔ wǒ men hái shì dài bǎ sǎn ba
明天未必下雨，我们还是带把伞吧。

It may not rain tomorrow, but we should still bring an umbrella.

suī rán tā hěn nǔ lì dàn wèi bì néng kǎo shàng nà suǒ dà xué
虽然他很努力，但未必能考上那所大学。

Although he works very hard, he may not be able to get into that university.

Trace each character, then write the word on your own.